

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM KHÊ  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc L- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29-11-2021

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Sâm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hải Phú– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Ngọc Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Hoàng Văn M, sinh năm: 1987

Địa chỉ: khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Có mặt)

**- Bị đơn:** Chị Đào Thị Ngọc Q, sinh năm 1995

Hộ khẩu thường trú: khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Hiện đang sinh sống tại: thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước (vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2021 và bản tự khai ngày 12/10/2021 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Hoàng Văn M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn M và chị Đào Thị Ngọc Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã C (nay là xã H), huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 28/12/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ cùng bố mẹ đẻ anh M và lao động tự do. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống nên thường xuyên cãi nhau, không tôn trọng nhau, ngày 29/4/2019, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gay gắt, chị Q đã đưa con chung của vợ chồng về nhà bố mẹ đẻ của chị ở huyện B, tỉnh Bình Phước sinh sống, anh M vẫn sinh sống tại xã H, huyện C cùng bố mẹ đẻ. Vợ chồng sống ly thân kể từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Nay anh M xác định tình cảm vợ chồng với chị Q không còn, vợ chồng sống ly thân đã lâu, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn để ổn định cuộc sống.

+ Tại bản tự khai ngày 27/10/2021 bị đơn chị Đào Ngọc Q trình bày: Chị và anh Hoàng Văn M kết hôn và chung sống từ năm 2018. Sau khi kết hôn một thời gian ngắn thì đã xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ của chị ở huyện B, tỉnh Bình Phước sinh sống từ năm 2019 đến nay, đã được hơn hai năm. Nay anh M xin ly hôn chị đồng ý.

- Về con chung: Hai bên đều trình bày vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Anh K, sinh ngày 27/11/2019, hiện nay con chung đang ở với chị Q và bố mẹ đẻ chị Q tại huyện B, tỉnh Bình Phước.

Ly hôn chị Q xin được trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ/tháng. Anh M nhất trí để con chung cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng theo yêu cầu, nhưng anh M không nhất trí với yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con của chị Q. Vì hiện nay công việc và thu nhập của anh không ổn định nên anh chỉ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Q là 2.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Hai bên đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê:***

- Về Tố tụng: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện, chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa chị Đào Thị Ngọc Q vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt thể hiện trong hồ sơ phù hợp với khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5, điểm a, c khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 luật thi hành án dân sự.

#### **Đề nghị xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Văn M và chị Đào Thị Ngọc Q.

- Về con chung: Giao cho chị Đào Thị Ngọc Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hoàng Anh K, sinh ngày 27/11/2019. Anh Hoàng Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Q 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 12/2021 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Do anh Hoàng Văn M, chị Đào Thị Ngọc Q, thuận tình ly hôn nên anh M, chị Q phải chịu 50% mức án phí. Tuy nhiên tại phiên tòa anh M tự nguyện xin chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh M còn phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến trình bày của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử, nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: anh Hoàng Văn M có đơn đề nghị Tòa án nhân dân

huyện Cẩm Khê giải quyết việc ly hôn với bị đơn chị Đào Thị Ngọc Q, có hộ khẩu thường trú tại khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Nhưng từ khi vợ chồng sống ly thân chị Q đã về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, còn anh M vẫn sinh sống tại khu P, xã H, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Quá trình giải quyết việc ly hôn của vợ chồng, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tỉnh Phú Thọ đã uỷ thác cho Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước lấy lời khai của chị Q, chị Q cũng nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của anh M và nhất trí để Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ giải quyết việc ly hôn của vợ chồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa chị Đào Thị Ngọc Q vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt thể hiện trong hồ sơ vụ án. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn chị Q.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Hoàng Văn M và chị Đào Thị Ngọc Q đảm bảo các điều kiện kết hôn, không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, khu dân cư, đại diện hội phụ nữ nơi vợ chồng sinh sống trước khi vợ chồng sống ly thân cho biết: “ Anh Hoàng Văn M, chị Đỗ Thị Ngọc Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã C ( nay là xã H), huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 28/12/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh M tại xã C (nay là xã H), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên chị Q đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị tại huyện B, tỉnh Bình Phước sinh sống từ đầu năm 2019 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn thì chúng tôi không rõ vì anh chị không yêu cầu chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể của địa phương hoà giải mâu thuẫn của vợ chồng. Nay anh M xin ly hôn chị Q, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật”.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh Hoàng Văn M vẫn giữ quan điểm là xin được ly hôn chị Đào Thị Ngọc Q. Căn cứ vào thực trạng chung sống của vợ chồng thì thấy anh M và chị Q đã sống ly thân từ năm 2019, mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được, chị Q đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ của chị tại Huyện B, tỉnh Bình Phước sinh sống đến nay, vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau. Nay anh M xin ly hôn chị Q đồng ý. Điều này phù hợp với thực trạng chung sống của vợ chồng nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh M và chị Q.

[3]. Về con chung: anh Hoàng Văn M, chị Đào Thị Ngọc Q có 01 con chung là cháu Hoàng Anh K, sinh ngày 27/11/2019 ( dưới 36 tháng tuổi). Kể từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Khôi do chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình làm việc và tại phiên tòa hôn nay, anh M nhất trí giao con chung cho chị Q nuôi dưỡng vì con chung còn nhỏ là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình .

Anh M hiện nay có nghề nghiệp chính là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không xác minh được thu nhập cụ thể của anh tại địa phương. Qua xác minh theo tiêu chí của nông thôn mới năm 2020- 2021 tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ, xác định được mức bình quân thu nhập của một người là 3.000.000 đồng/01 tháng/người. Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, anh M giữ nguyên quan điểm tự nguyện cấp dưỡng cho con chung là cháu Hoàng Anh K số tiền 2.000.000 đồng/tháng nên chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh M.

Không chấp nhận yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con chung của chị Q.

[4].Về tài sản chung; Về nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5].Về án phí: Anh M, chị Q mỗi người phải chịu 50 % án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh M tự nguyện xin chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh M còn phải chịu án phí cấp dưỡng của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5, điểm a, c khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 luật thi hành án dân sự.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Văn M và chị Đào Thị Ngọc Q.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Đào Thị Ngọc Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hoàng Anh K, sinh ngày 27/11/2019 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Hoàng Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/01 tháng, kể từ tháng 12/2021 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Anh Hoàng Văn M được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Anh Hoàng Văn M xin chịu toàn bộ 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007605 ngày 05/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Anh M còn phải nộp số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hợp lệ hoặc được niêm yết

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Đỗ Thị Thảo**